

Số: 72/2024/QĐST-HNGĐ

Tiểu Cần, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H N, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B

- *Bị đơn*: Anh Trương H N, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H N và anh Trương H N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H N và anh Trương H N thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H N và anh Trương H N thống nhất giao con chung Trương Nguyễn H A, sinh ngày 03/7/2021 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, chị N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 150.000 đồng (trong đó phần án phí chị N phải chịu là 75.000 đồng, phần án phí chị N chịu thay anh N là 75.000 đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002865 ngày 11/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh, hoàn trả cho chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký